

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3769/QĐ-UBND

*Việt Trì, ngày 15 tháng 12 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả kiểm kê quỹ đất của các tổ chức thực hiện  
Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ  
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 1710/TTr-TNMT ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả kiểm kê quỹ đất của các tổ chức thực hiện Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Hiện trạng sử dụng đất của các tổ chức:

Hiện trạng sử dụng đất của tỉnh tính đến ngày 01/4/2008, như sau;

Tổng số tổ chức trên địa bàn tỉnh là 2.486 tổ chức với 5.877 thửa đất. Trong đó:

- Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp: 1.336 tổ chức, 2.112 thửa, diện tích 2.289,1 ha.

- Tổ chức kinh tế: 795 tổ chức, 1.436 thửa, diện tích 38.437,93 ha.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: 274 xã, 2107 thửa, diện tích 20.737,25 ha.

- Đất An ninh: 51 tổ chức, 51 thửa, diện tích 1.158,2 ha.

- Đất Quốc phòng: 30 tổ chức, 171 thửa, diện tích 3.506,15 ha.

Tổng số diện tích đất đã giao cho các tổ chức (thuộc đối tượng kiểm kê) quản lý sử dụng là 66.128,65 ha, chiếm 18,7% so với diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 50.512,42 ha, chiếm 18,7% so với diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 50.512,42 ha, chiếm 76,35% so với tổng diện tích giao cho các tổ chức:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: 13.095,88 ha.

+ Đất lâm nghiệp: 28.400,1ha.

+ Đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: 8741,52 ha.

+ Đất nông nghiệp: 13.524,7 ha chiếm 20,45% tổng diện tích giao cho các tổ chức:

+ Đất ở: 82,85 ha.

+ Đất chuyên dùng: 10.791,82 ha.

\* Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 530,41 ha.

\* Đất quốc phòng: Tổng số 171 điểm đất (30 tổ chức) với diện tích 3.506,15 ha, bao gồm các điểm đất quốc phòng theo hiện trạng và quy hoạch có Quyết định 968 ngày 18/12/1996 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó diện tích hiện trạng là 2.756,43 ha;

\* Đất an ninh: Tổng số 51 điểm đất (51 tổ chức) với diện tích 1.158,2 ha, bao gồm các điểm đất an ninh theo hiện trạng và quy hoạch.

\* Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; 3.930,49 ha.

\* Đất có mục đích công cộng: 2.471,07 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 1.169,41 ha.

+ Đất phi nông nghiệp khác: 58,04 ha.

- Đất chưa sử dụng: 2.091,53 ha chiếm 3,2%.

2. Hình thức giao sử dụng đất:

- Giao đất: 31.964,87 ha, chiếm 48,34% tổng diện tích đất của các tổ chức.

*Bao gồm:* + Giao không thu tiền sử dụng đất: 31.229,33 ha.

+ Giao có thu tiền sử dụng đất: 735,54 ha.

- Công nhận quyền sử dụng đất (Hợp thức quyền sử dụng đất): 19.840,92 ha, chiếm 30%

*Bao gồm:* + Công nhận QSD đất không thu tiền: 18.963,35 ha

+ Công nhận QSD đất có thu tiền: 877,57 ha

- Cho thuê đất: 12.072,60 ha, chiếm 18,25%

*Bao gồm:* + Cho thuê đất trả tiền một lần; 41,01 ha

+ Cho thuê đất trả tiền hàng năm: 12.031,59 ha.

- Nhận chuyển nhượng QSDĐ tiền đã trả có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước: 1,60 ha, chiếm 0,003%.

- Hình thức khác: 6.089,57 ha, chiếm 3,41%

3. Tình hình sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đúng mục đích: 58.259,5 ha chiếm 88,1%

- Diện tích cho thuê trái pháp luật: 296,78 ha (9 tổ chức) chiếm 0,45%

- Diện tích cho mượn: 9,99 ha (8 tổ chức) chiếm 0,02%

- Chuyển nhượng trái pháp luật: 6,77 ha (5 tổ chức) chiếm 0,01%

- Diện tích bị lấn, chiếm: 2.671,05 ha (44 tổ chức) chiếm 4,04%

- Diện tích đang tranh chấp: 3.748,50 ha (18 tổ chức) chiếm 5,67%.

- Diện tích sử dụng vào mục đích khác: 105,68 ha (30 tổ chức) chiếm 0,16%

*Bao gồm:* + Diện tích làm nhà ở: 74,41 ha

+ Diện tích đất SXKD: 31,27 ha

Diện tích đất chưa sử dụng: 1.020,53 ha chiếm 1,54%

*Bao gồm:* + Diện tích đã đưa vào sử dụng nhưng còn để hoang: 981,86 ha.

+ Diện tích xây dựng đầu tư chậm: 101,68 ha.

- Diện tích lấn, chiếm: 9,84 ha chiếm 0,01%

Diện tích đất bị lấn chiếm, tranh chấp chủ yếu là các đơn vị sử dụng đất nông lâm nghiệp, có diện tích được giao quản lý sử dụng lớn.

4. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Số lượng giấy CNQSDĐ: 1.248

Trong đó:

+ Cơ quan Nhà nước: 487 GCN, diện tích 1.032,22 ha

+ Tổ chức kinh tế: 664 GCN, diện tích 30.199,56 ha

+ Ủy ban nhân dân cấp xã: 29 GCN, diện tích 9,71 ha

+ Đất An ninh: 2 GCN, diện tích 793,64 ha

+ Đất quốc phòng: 66 GCN, diện tích 793,64 ha

- Diện tích cấp GCNQSDĐ: 32.841,27 ha, đạt 49,66% tổng diện tích đã giao cho các tổ chức quản lý sử dụng theo đối tượng kiểm kê.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Thống kê; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Đình Vượng (Đã ký)**